

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ II NĂM 2010


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ KỶ NÀY	SỐ ĐẦU NĂM
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		97.565.378.242	360.399.950.762
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		92.792.058.959	169.973.354.409
- Các khoản dự phòng	03		1.315.652.165	(208.789.470.924)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		10.569.755.190	(20.986.356.618)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(85.958.392.586)	(16.558.782.633)
- Chi phí lãi vay	06		42.114.441.590	60.165.465.112
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		158.398.893.559	344.204.160.108
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(93.244.084.838)	(8.764.254.431)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.657.932.947	20.452.814.954
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		26.351.903.845	(23.079.111.892)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(15.560.042.935)	19.422.864.982
- Tiền lãi vay đã trả	13		(41.122.316.249)	(61.301.240.520)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11.765.513.612)	(1.904.700.475)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		34.288.954.223	160.439.726.199
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.808.336.500)	(148.110.760.779)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.197.390.441	301.359.498.146
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(69.061.365.050)	(241.868.278.610)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	6.485.019.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	28.591.493.119
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			856.090.386
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(155.501.023.373)	(802.467.817.023)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		138.123.229.220	538.341.776.457
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.470.067.687	124.392.138.239
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(64.969.091.516)	(345.669.577.830)




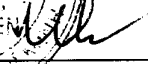
Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ KỲ NÀY	SỐ ĐẦU NĂM
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		30.637.500.000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		344.496.714.915	677.654.855.422
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(329.078.296.485)	(558.307.245.134)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.063.055.415)	(5.684.018.216)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.000.000.000)	(82.612.796.900)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		41.992.863.015	31.050.795.172
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		31.221.161.940	(13.259.284.512)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	224.033.300.556	200.964.237.593
Điều chỉnh tiền và tương đương tiền				30.244.121.011
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			6.084.226.463
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	255.254.462.496	224.033.300.556


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2010


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Phụ trách kế toán


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

